

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số 35/2020/HNGĐ-PT

Ngày 21/12/2020

*“V/v tranh chấp Hôn nhân  
và gia đình”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Hải

**Các thẩm phán:**

Ông Nguyễn Anh Sơn

Bà Nguyễn Thị Hải Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Hòa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị D, sinh năm 1993.

Trú tại: xóm 1, xã M, huyện D, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Anh Trần Văn T, sinh năm 1981.

Trú tại: xóm 2, xã M, huyện D, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

\* Người kháng cáo: Bị đơn anh Trần Văn T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T là vợ chồng, kết hôn vào ngày 18/12/2015, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra

mâu thuẫn nguyên nhân là do mâu thuẫn kinh tế. Anh T hay rượu chè, chơi bời không chăm lo làm ăn kinh tế. Bên cạnh đó anh T có hành vi xúc phạm bản thân chị làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý, suy nghĩ của chị. Từ đó, vợ chồng sống bất hòa, thiếu sự tôn trọng, thương yêu nhau. Do mâu thuẫn như vậy nên chị đã đi làm công ty.

Đến tháng 10/2019 vợ chồng sống ly thân không còn đi lại, quan tâm chăm sóc nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục sống chung với anh Trần Văn T nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Minh Qg, sinh ngày 05/9/2016. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Lê Thị D sau một thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào ngày 18/12/2015. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đến tháng 10/2019 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn kinh tế, vợ không công khai kinh tế, dẫn đến xúc phạm thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nay chị Lê Thị D làm đơn xin ly hôn anh tại tòa án nhân dân huyện D anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 05/9/2016. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì đáng kể, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2020/HNGĐ-ST ngày 20/7/2020 Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Minh Q, sinh ngày 05/9/2016 cho chị Lê Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Văn T.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/8/2020, bị đơn anh Trần Văn T làm đơn kháng cáo xin được quyền nuôi con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được nuôi con chung.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán được phân công đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 294 và Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn T làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm

[2] Xét nội dung vụ án và kháng cáo của anh Trần Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin hôn với bị đơn anh Trần Văn T. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Trần Văn T. Về việc giao con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là trách nhiệm của cả bố và mẹ. Anh T, chị D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, nguyện vọng đó là chính đáng, cần được ghi nhận.

Tuy nhiên, việc giao con cho bố hay mẹ sau khi ly hôn là nhằm mục đích đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con. Chị D và anh T đều có công ăn việc làm và có nơi sinh sống ổn định. Tuy nhiên, theo chị D trình bày anh T là người hay rượu chè không quan tâm gia đình, vợ con. Vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến ly

hôn. Chị D làm công nhân công ty thu nhập mỗi tháng 15 triệu đồng có thể đảm bảo cuộc sống cho hai mẹ con. Anh T trình bày có thu nhập cao nhưng là lao động tự do, không ổn định. Bên cạnh đó, cháu Trần Minh Q còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát triển toàn diện. Vì vậy cấp sơ thẩm đã giao cháu Trần Minh Q, sinh ngày 05/9/2016 cho chị Lê Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh Trần Văn T kháng cáo cho rằng chị Lê Thị D không đủ khả năng kinh tế để nuôi con nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Trong khi đó, chị D xuất trình chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng ổn định có đủ điều kiện để nuôi con.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên anh Trần Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội xử:

Về con chung: Giao con chung Trần Minh Q, sinh ngày 05/9/2016 cho chị Lê Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Văn T.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 tạm ứng án phí phúc thẩm đồng anh Tuấn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004248 ngày 05/8/2020 tại Chi cục thi hành án huyện D.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND, VKSND H. D;
- Chi cục THADS H. D;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Thị Mỹ Hải**